TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/DS-ST
Ngày: 31/7/2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia và ông Lê Văn Ánh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoàng Khương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST-DS ngày 18/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐST-DS, ngày 08/7/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ông Trương Đình M** - sinh năm 1957 **và bà Lê Thị Thanh X** – sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ: Tổ 10, ấp B, xã T L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Ông Trương Đình M ủy quyền cho bà Lê Thị Thanh X tham gia tố tụng (theo giấy ủy quyền ngày 16/4/2024).

- *Bị đơn:* **Ông Lê Hùng C** – sinh năm 1964.

Địa chỉ thường trú: Ấp C, xã T L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Số 87 đường A, phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

(Bà X, ông C có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Thanh X trình bày:*

Ngày 08/12/2006, Uỷ ban nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 953317 cho ông Lê Hùng C, bà Lê Thị Hương Th đối với thửa đất số 42, tờ bản đồ số 13, diện tích 1240m^2 (viết tắt thửa đất số 42), tọa lạc tại xã Tà Lài, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Ngày 08/12/2006, Uỷ ban nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 930115 cho ông Lê Hùng C, bà Lê Thị Hương Th đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ số 13, diện tích 2.324m^2, (viết tắt thửa đất số 44), tọa lạc tại xã Tà Lài, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Do ông Lê Hùng C có nợ Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (viết tắt Ngân hàng) số tiền 200.000.000 đồng. Ngày 20/6/2014, vợ chồng bà có cho ông Lê Hùng C vay số tiền 100.000.000 đồng, các bên không thỏa thuận về lãi suất và thỏa thuận về thời hạn trả nợ 01 năm (từ ngày 20/6/2014 đến 20/6/2015). Hết thời hạn 01 năm mà ông C không trả cho vợ chồng bà số tiền 100.000.000 đồng thì sẽ trả bằng đất theo giá thị trường là 50.000.000 đồng/1000m^2 đất. Các bên có làm giấy biên nhận ngày 20/6/2014 và ông C ký tên vào giấy biên nhận ngày 20/6/2014.

Tháng 6/2015 (bà không nhớ ngày), vợ chồng bà tiếp tục cho ông C vay số tiền 50.000.000 đồng và các bên không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả nợ nhưng thỏa thuận sẽ trả bằng đất. Vợ chồng bà có gộp số tiền 100.000.000 đồng + 50.000.000 đồng = 150.000.000 đồng và có làm giấy vay tiền ngày 28/8/2015 thể hiện số tiền 150.000.000 đồng, ông C có ký tên.

Đến 28/8/2015, vợ chồng bà tiếp tục cho ông C vay thêm số tiền 30.000.000 đồng, nhưng vợ chồng bà có gộp số tiền 150.000.000 đồng + 30.000.000 đồng = 180.000.000 đồng, các bên không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả nợ. Tổng cộng ông C vay số tiền 180.000.000 đồng.

Ngày 28/8/2015, ông C có giao cho vợ chồng bà diện tích 3.564m^2 tại các thửa đất 42, 44 để cấn trừ nợ số tiền 180.000.000 đồng. Ông C có viết giấy giao đất ngày 28/8/2015 thể hiện ông C mượn vợ chồng bà số tiền 180.000.000 đồng và giao đủ đất cho vợ chồng bà canh tác sử dụng nhưng các bên không làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật. Vợ chồng bà sử dụng các thửa đất số 42, 44 từ ngày 28/8/20215 đến ngày 19/8/2018.

Do ông C phải thi hành án đối với bản án số 68/2014/HNGĐ-ST, ngày 29/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai đã xét xử nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tiến hành cưỡng chế kê biên đối với các thửa đất số 42, 44. Ngày 20/8/2018, vợ chồng bà đã bàn giao các thửa đất số 42, 44 cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 20/8/2018, vợ chồng bà có nộp đơn khởi kiện ông Lê Hùng C đến Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nhưng đến ngày 13/3/2019 Tòa án mới thụ lý vụ án của vợ chồng bà về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Lê Hùng C đối với các thửa đất số 42, 44. Đến ngày 18/01/2022, Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai đã đình chỉ giải quyết vụ án số 06/2022/QĐST-DS với lý do bà không nộp tạm ứng chi phí tố tụng. Bà có kháng cáo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án và tại Quyết định số 71/2022/QĐ-PT, ngày 09/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai là giữ nguyên quyết định số 06/2022/QĐST-DS của Tòa án huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Vợ chồng bà khởi kiện yêu cầu ông Lê Hùng C trả số tiền nợ gốc 180.000.000 đồng và tiền lãi 187.000.000 đồng. Tổng cộng 367.000.000 đồng.

Tuy nhiên, bà thay đổi yêu cầu khởi kiện với nội dung yêu cầu ông Lê Hùng C trả số tiền gốc 180.000.000 đồng và không yêu cầu ông C trả tiền lãi.

Bà xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi 187.000.000 đồng đối với ông Lê Hùng C.

Về án phí: Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Hùng C trình bày:*

Ông có nợ Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền 200.000.000 đồng. Ngày 20/6/2014, ông có vay số tiền 100.000.000 đồng của vợ chồng ông Trương Đình M, bà Lê Thị Thanh X và vay của ông Lê Quốc Th số tiền 100.000.000 đồng để trả tiền Ngân hàng.

Bà Lê Thị Thanh X có mang số tiền 100.000.000 đồng đến Ngân hàng trả nợ cho ông và ông Th cũng mang số tiền 100.000.000 đồng đến Ngân hàng trả nợ cho ông.

Ông và bà X không thỏa thuận về lãi suất nhưng thỏa thuận về thời hạn trả nợ là 01 năm (từ ngày 20/6/2014 đến 20/6/2015). Nếu hết thời hạn 01 năm ông không trả được thì sẽ trả bằng đất cho vợ chồng bà X.

Sau đó ông tiếp tục vay thêm số tiền 50.000.000 đồng của vợ chồng bà X (ngày tháng, năm vay tiền ông không nhớ) và các bên không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả nợ. Ông và bà X thỏa thuận nếu không trả được nợ thì ông sẽ giao đất cho vợ chồng bà X sử dụng.

Ông tiếp tục có vay của vợ chồng bà X số tiền 30.000.000 đồng (ngày, tháng, năm cụ thể vay tiền ông không nhớ) các bên không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả nợ nhưng ông sẽ giao đất cho vợ chồng bà X canh tác, sử dụng. Tổng cộng ông vay của vợ chồng ông M, bà X số tiền 180.000.000 đồng.

Sau đó, ông có giao vợ chồng bà X diện tích 3.564m^2 tại các thửa đất số 42, 44 và ông có làm giấy tờ giao đất ngày 28/8/2015 có xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã Tà Lài để cấn trừ số tiền nợ vay 180.000.000 đồng. Ông chưa giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà X và các bên không có làm hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Ông giao các thửa đất số 42, 44 cho vợ chồng bà X canh tác, sử dụng từ ngày 28/8/2015 và bà X có báo cho ông biết (do thời gian đó ông có đi làm ăn xa) các thửa đất số 42, 44 đã bị Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cưỡng chế thi hành án vào tháng 12 năm 2018. Ông có về nhà nhưng các thửa đất số 42, 44 của ông đã bị cưỡng chế thi hành án.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai đã tiến hành cưỡng chế các thửa đất số 42, 44 mà không giao quyết định cho ông và cho chính quyền địa phương nên ông không biết được việc cưỡng chế thi hành án đối với các thửa đất số 42, 44.

Ông không đồng ý trả số tiền gốc 180.000.000 đồng cho vợ chồng ông M, bà X do ông đã giao cho vợ chồng bà Xuân các thửa đất số 42, 44 để cấn trừ nợ.

Tại phiên tòa ông đồng ý trả số tiền gốc 180.000.000 đồng cho vợ chồng bà X nhưng ông yêu cầu vợ chồng ông M, bà X phải bồi thường thiệt hại cho

ông theo quy định của pháp luật trong thời gian vợ chồng ông M, bà X canh tác, sử dụng các thửa đất số 42, 44 từ ngày 28/8/2015 đến 20/8/2018.

Bà X rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi đối với ông thì ông không có ý kiến gì hết.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ đương sự giao nộp và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho đương sự. Các đương sự không có ý kiến gì khác đối với các tài liệu, chứng cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không có thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện; bị đơn không thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Thư ký, nguyên đơn đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền gốc 180.000.000 đồng. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút đối với số tiền lãi 187.000.000 đồng.

- *Về án phí:* Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Lê Hùng C có nơi cư trú tại xã T L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về xác định quan hệ tranh chấp: Ông Trương Đình M, bà Lê Thị Thanh X khởi kiện với nội dung yêu cầu ông Lê Hùng C có nghĩa vụ trả số tiền vay. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về tư các tố tụng: Ông Trương Đình M, bà Lê Thị Thanh X là người khởi kiện ông Lê Hùng C nên xác định tư cách đương sự ông M, bà X là nguyên đơn, ông C là bị đơn. Tư cách đương sự được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 149 của Bộ luật dân sự năm 2015 do đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nên Tòa án không áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với vụ án.

[1.5] Tống đạt văn bản tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Về tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đương sự không có ý kiến gì.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

[2.1]. Về hợp đồng vay tài sản: Các đương sự thừa nhận và thống nhất ông Lê Hùng C có vay tiền của vợ chồng ông Trương Đình M, bà Lê Thị Thanh X số tiền 180.000.000 đồng theo các giấy vay tiền ngày 20/6/2014, ngày 28/8/2015. Do đó, xác định đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do vậy, đối với việc vay tiền là giao dịch dân sự do ông M, bà X và ông C tự nguyện ký kết, các bên có năng lực hành vi dân sự, mục đích và hình thức giao dịch phù hợp với quy định của pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 124, Điều 388, Điều 405 và Điều 471 Bộ luật dân sự 2005.

[2.2] Về yêu cầu trả nợ gốc: Nguyên đơn ông Trương Đình M, bà Lê Thị Thanh X yêu cầu ông Lê Hùng C trả số tiền nợ gốc 180.000.000 đồng nhưng ông Lê Hùng C không đồng ý.

Ông Lê Hùng C có vay của ông Trương Đình M, bà Lê Thị Thanh X số tiền 180.000.000 đồng vào ngày 20/6/2014 và ngày 28/8/2015 các bên không thỏa thuận về thời hạn trả nợ và không có thỏa thuận về lãi suất cho vay nên xác định đây là hợp đồng vay không xác định kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự.

Xét thấy, ngày 08/12/2006, Uỷ ban nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ số 13, diện tích 2.324m^2, tọa lạc tại xã Tà Lài, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cho ông Lê Hùng C, bà Lê Thị Hương Th và ngày 08/12/2006, Uỷ ban nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 42, tờ bản đồ số 13, diện tích 1240m^2, tọa lạc tại xã Tà Lài, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cho ông Lê Hùng C, bà Lê Thị Hương Th. Ông Lê Hùng C không đồng ý trả số tiền 180.000.000 đồng cho ông M, bà X vì cho rằng bàn giao diện tích 3564m^2 tại các thửa đất số 42, 44 cho ông M, bà X quản lý, sử dụng vào ngày 28/8/2015 để cấn trừ số tiền 180.000.000 đồng. Vợ chồng ông M, bà X đã nhận các thửa đất số 42, 44 để canh tác sử dụng từ ngày 28/8/2015 đến ngày 20/8/2018. Nhưng vợ chồng ông M, bà X và ông C không tiến hành làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật nên vợ chồng bà X không phải là chủ sử dụng đất hợp pháp đối với các thửa đất số 42, 44.

Do, ông C phải thi hành bản án số 68/2014/HNGĐ-ST, ngày 29/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai đã tiến hành cưỡng chế kê biên đối với các thửa đất số 42, 44, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã Tà Lài.

Tại công văn số 92/CV-CCTHA, ngày 12/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai trả lời như sau:

"Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai đã tiến hành kê biên, cưỡng chế thi hành án đối với thửa đất số 42, diện tích 1.240m^2, tờ bản đồ số 13 và thửa đất số 44, tờ bản đồ số 13, diện tích 2.324m^2, tọa lạc tại xã Tà Lài, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Việc cưỡng chế đã được thực hiện xong.

Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú cũng đã cưỡng chế giao tài sản là các thửa đất số 42, 44, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã Tà Lài, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cho người mua trúng đấu giá tài sản là bà Nguyễn Thị Hiền; địa chỉ: Ấp 3, xã Phú Lập, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai".

Hiện nay các thửa đất số 42, 44 đã được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai bàn giao cho người trúng đấu giá bà Nguyễn Thị H và không thuộc quyền quản lý, sử dụng của nguyên đơn nên bị đơn cho rằng đã bàn giao các thửa đất số 42, 44 cho nguyên đơn là không có căn cứ. Đồng thời, bị đơn cũng thừa nhận chưa trả cho nguyên đơn số tiền gốc 180.000.000 đồng và tại phiên tòa bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 180.000.000 đồng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 180.000.000 đồng có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Về yêu cầu trả tiền lãi: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trương Đình M, bà Lê Thị Thanh X yêu cầu bị đơn ông Lê Hùng C trả số tiền lãi 187.000.000 đồng. Sau đó, nguyên đơn rút yêu cầu về tiền lãi 187.000.000 đồng đối với ông C và nguyên đơn không yêu cầu trả tiền lãi nên không xem xét, giải quyết.

[3] Đối với việc bà X rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê Hùng C về số tiền lãi 187.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xem xét đình chỉ, trường hợp có tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện tại vụ án khác.

[4] Đối với nghĩa vụ thực hiện, bị đơn đã vi phạm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 4 Điều 466, Điều 469 Bộ luật dân sự nên nguyên đơn khởi kiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 180.000.000 đồng.

[6] Tại phiên tòa ông Lê Hùng C yêu cầu vợ chồng ông Trương Đình M, bà Lê Thị Thanh X phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật trong thời gian vợ chồng ông M, bà X canh tác, sử dụng các thửa đất số 42, 44, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã Tà Lài từ ngày 28/8/2015 đến 20/8/2018.

Xét thấy trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án ông Lê Hùng C không có đơn yêu cầu phản tố về bồi thường thiệt hại đối với vợ chồng ông Trương Đình M, bà Lê Thị Thanh X trong thời gian canh tác, sử dụng các thửa đất số 42, 44, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã Tà Lài. Nhưng tại phiên tòa ông C yêu cầu vợ chồng ông M, bà X bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật trong canh tác, sử dụng các thửa đất số 42, 44 từ ngày 28/8/2015 đến 20/8/2018 là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết mà dành quyền khởi kiện cho ông Lê Hùng C trong vụ án khác.

[7] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông Lê Hùng

C phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, án phí phải chịu được tính: 180.000.000 đồng x 5% = 9.000.000 đồng.

[8] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 124, Điều 388, Điều 405, Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005;

- Điều 117, Điều 357, Điều 385, Điều 401, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 469 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Đình M, bà Lê Thị Thanh X đối với bị đơn ông Lê Hùng C về số tiền nợ lãi 187.000.000[đ] (một trăm tám mươi bảy triệu đồng).

2. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Đình M, bà Lê Thị Thanh X về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bị đơn ông Lê Hùng C

Buộc ông Lê Hùng C có nghĩa vụ trả cho ông Trương Đình M, bà Lê Thị Thanh X số tiền nợ gốc là 180.000.000[đ] *(một trăm tám mươi triệu đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Ông Lê Hùng Cường phải chịu số tiền 9.000.000đ *(chín triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Vợ chồng ông Trương Đình M, bà Lê Thị Thanh X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 31/7/2024).

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bá Đức